TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Phương K**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp XD, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp CK, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/8/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Phương K trình bày:

Chị và anh Lê Minh T kết hôn ngày 29/10/2009 âl và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con chung thì anh T lo đi ăn nhậu bê tha về nhà mắng chửi vợ con, không quan tâm công việc gia đình. Hai gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 5/2016 anh T bỏ nhà đi và quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài. Nay chị

không thể tiếp tục chung sống với anh T nên quyết định khởi kiện xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Lê Phúc T sinh ngày 21/9/2010 và Lê Phúc K, sinh ngày 10/8/2014 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ chung không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T là có cơ sở.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa chị Phạm Phương K xác định thời gian ly thân của chị và anh T đã lâu, hai gia đình tổ chức hàn gắn nhiều lần nhưng không thể chung sống lại được vì mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T. Đối với anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng đến nay không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì đối với nội dung khởi kiện của chị K. Do đó, có cơ sở cho rằng điều kiện đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị K trình bày là có cơ sở. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K thì thấy rằng: chị K và anh T tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*. Từ căn cứ trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị K với anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị K và anh T có 02 con chung tên Lê Phúc T, sinh ngày 21/9/2010 và Lê Phúc K, sinh ngày 10/8/2014 hiện do chị K nuôi dưỡng. Thấy rằng, cháu T trên 07 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án phải xem xét nguyện vọng của cháu. Tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu T ngày 17/11/2017 thể hiện nguyện vọng của cháu được ở cùng với chị K sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Đối với cháu K hiện đang sống cùng chị K từ khi anh chị ly thân đến nay và anh T không yêu cầu được nuôi con. Do đó, Tòa án cần giao 02 con cho chị K nuôi dưỡng là có căn cứ.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Như vậy, anh T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con

theo quy định pháp luật mỗi cháu mỗi tháng 650.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị K tính từ ngày tuyên án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với anh T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung như chị K trình bày. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị K phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu theo quy định páp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Phương K và anh Lê Minh T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phúc T, sinh ngày 21/9/2010 và Lê Phúc K, sinh ngày 10/8/2014 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, mỗi cháu mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/12/2017).

Anh Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình chị Phạm Phương K phải chịu 300.000 đồng, chị K dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009085 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, chị K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên